

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 25-3-2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thiện Bửu;
- Ông Trương Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2024/TLST-DS ngày 16/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 17/02/2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số A, đường T, khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1971

Bà Trần Thị T1, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Số H, đường H, khóm D, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Vào ngày 23-01-2022 âm lịch bà có cho ông Võ Văn T và vợ là bà Trần Thị T1 vay số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Khi vay tiền thì ông Võ Văn T chỉ ghi nội dung biên nhận là: « Tôi Võ Văn T thường trú khóm D, phường A, TP H có mượn tiền là

800.000.000đ (T2 trăm triệu đồng) để đầu hạn Ngân hàng trong 10 ngày trả lại » rồi ghi ngày 23-1-2022 AL, ký tên, ghi họ tên Võ Văn T. Cho mãi đến sau này, do bà có quen biết với bà X là vợ ông Phạm Văn C (thời điểm đó ông C là Chủ tịch UBND phường A, thành phố H) nên bà có kể cho vợ chồng bà X nghe thì được ông C có ý kiến là biên nhận mượn tiền của bà (P) mà không có ghi tên bà (là có mượn tiền của bà P) nên sau đó (thời gian là trước khi bà khởi kiện ông T khoảng 03 tuần lễ) thì bà có gọi ông T ra quán cà phê của ông Năm S để ông T ghi thêm nội dung phía dưới là « Có mượn tiền của chị P số tiền là 800.000.000đ Tám trăm triệu ». Bà đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng ông T và bà T1 cứ hẹn lần hẹn lựa là để bán nhà xong sẽ trả nợ cho bà. Đến nay ông T và bà T1 vẫn không trả nợ cho bà được đồng nào. Nay bà P yêu cầu ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) và tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay (23-01-2022 âm lịch) đến ngày xét xử vụ án và tiếp tục tính lãi đến khi ông T và bà T1 trả dứt nợ.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị P yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là 1,67%/tháng, kể từ ngày 23/01/2022 âm lịch (nhằm ngày 23/02/2022 dương lịch) đến ngày 23/02/2025 âm lịch (nhằm ngày 22/3/2025 dương lịch) và tiếp tục tính lãi đến khi ông T và bà T1 trả dứt nợ cho bà P.

- Bị đơn ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên, mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 91, Điều 92, Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 166, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P yêu cầu ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) và tính lãi là 1,67%/ tháng, kể từ ngày 23/01/2022 âm lịch (nhằm ngày 23/02/2022 dương lịch) đến ngày 23/02/2025 âm lịch (nhằm ngày 22/3/2025 dương lịch) và tiếp tục tính lãi đến khi ông T và bà T1 trả dứt nợ cho bà P. Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 vay tiền của Nguyễn Thị P có làm biên nhận nợ vào ngày 23-01-2022 âm lịch, số tiền vay 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), có chữ ký tên và chữ ghi họ tên của ông Võ Văn T.

Nội dung biên nhận thể hiện rõ: «Tôi Võ Văn T, thường trú khóm D, phường A, TP H có mượn tiền là 800.000.000đ (T2 trăm triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng trong 10 ngày trả lại » rồi ghi ngày 23-01-2022 AL (âm lịch), ký tên, ghi họ tên Võ Văn T. Sau đó ông Võ Văn T ghi thêm nội dung phía dưới là «Có mượn tiền của chị P số tiền là 800.000.000đ Tám trăm triệu ».

Những người làm chứng như:

Ông Phạm Văn C xác nhận: Bà P kể cho vợ chồng ông nghe là ông Võ Văn T có mượn tiền của bà P, số tiền 800.000.000đồng, bà P đưa biên nhận cho ông xem thì ông phát hiện nội dung của biên nhận không có ghi là có mượn tiền bà P nên ông nói với bà P là cho ông T ghi thêm vào biên nhận đoạn sau là có mượn của bà P số tiền 800.000.000đồng là sự thật.

Bà Dương Thị H xác nhận: Bà và bà P làm ăn chung về việc tiền bạc, có khi bà kẹ tiền thì có hỏi mượn của bà P, có khi bà P kẹ tiền thì có hỏi mượn của bà. Vào ngày 23/01/2022 bà P có mượn của bà số tiền 300.000.000đồng, việc bà P mượn tiền của bà là để cho ông Võ Văn T vay lại.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L xác nhận: Vào ngày 23/01/2022 bà P có mượn của bà số tiền 500.000.000đồng để cho ông Võ Văn T vay lại để đáo hạn Ngân hàng.

So sánh hai tuồng chữ viết trong biên nhận ngày 23/01/2022 từ trên xuống dưới thì đúng là giống nhau. Tại phiên tòa, bà P xác nhận chữ viết trong biên nhận ngày 23/01/2022 là do cùng một người là ông Võ Văn T viết ra.

Ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 biết việc bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu trả nợ nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Hiện nay ông T và bà T1 vẫn còn chung sống chung, quan hệ vợ chồng vẫn đang còn tồn tại, mục đích vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị P số

tiền vốn 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) và tiền lãi là 1,67%/ tháng, kể từ ngày 23/01/2022 âm lịch (nhằm ngày 23/02/2022 dương lịch) đến ngày 23/02/2025 âm lịch (nhằm ngày 22/3/2025 dương lịch) và tiếp tục tính lãi đến khi ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 trả dứt nợ cho bà Nguyễn Thị P là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P được chấp nhận nên buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) và tiền lãi 494.320.000đ (Bốn trăm chín mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng, tính từ ngày 23/01/2022 âm lịch đến ngày 23/02/2025 âm lịch là 37 tháng x 1,67% x 800.000.000đ), tổng cộng là 1.294.320.000đ (Một tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) và tiếp tục tính lãi đến khi ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 trả dứt nợ cho bà Nguyễn Thị P.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ liên đới chịu 50.830.000đ (Năm mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định pháp luật.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo